

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: Trần Đức Thạnh
- Năm sinh: 1954
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ, năm 1994, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): : Giáo sư, năm 2016, Học Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Khoa học Trái đất, Địa chất Hải dương học.
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Nghiên cứu viên cao cấp, Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Phó Tổng biên tập Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam
- Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): Học viện KHCN Việt Nam, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Liên ngành Khoa học Trái đất và Mỏ, năm 2019.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không.

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)**

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 07..... sách chuyên khảo; 0..... giáo trình.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

1. **Trần Đức Thạnh** (chủ biên), Bùi Quang Sản, Nguyễn Văn Cán, Trần Đình Lân, Nguyễn Văn Quân, Lưu Văn Diệu, Nguyễn Thị Thu, Trần Anh Tú, Nguyễn Thị Kim Anh, 2015. Thiên nhiên và môi trường vùng bờ Hải Phòng. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội. 310 tr. ISB: 978-604-913-369-1

2. Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Thị Thu, Chu Thế Cường, Nguyễn Đức Thế, Đàm Đức Tiến, **Trần Đức Thạnh**, Vũ Duy Vĩnh, Đặng Hoài Nhơn, Nguyễn Đắc Vệ, Đinh Văn Nhân, 2016. Mức độ suy thoái và giải pháp phục hồi một số hệ sinh thái đầm phá ven biển Miền Trung. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội. 380 tr. ISBN: 978-604-913-505-4
3. Lưu Văn Diệu, Cao Thị Thu Trang, Lê Xuân Sinh, Vũ Thị Lựu, **Trần Đức Thạnh**, 2016. Sức tải môi trường các thủy vực tiêu biểu ven bờ Việt Nam. Nxb. Khoa học và Công nghệ, Hà Nội. 355tr. ISBN: 978- 604-913-507-1
4. Dương Thanh Nghị (Chủ biên), Đỗ Quang Huy, **Trần Đức Thạnh**, 2018. Một số chất ô nhiễm hữu cơ bền trong môi trường biển ven bờ phía Bắc Việt Nam. Nxb. Khoa học và Công nghệ, Hà Nội. 260tr. ISBN: 978- 604-913-647-4
5. Trần Đình Lân (Chủ biên), Dương Ngọc Hải, Đinh Văn Huy, Đặng Hoài Nhơn, **Trần Đức Thạnh**, Bùi Văn Vượng, Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Tác động của con người đến môi trường trầm tích hiện đại ven bờ châu thổ Sông Hồng. NXB Khoa học Công nghệ, 2018. Hà Nội, 226 trang.

## 2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 130 bài báo tạp chí trong nước; 25 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

### - Trong nước:

1. **Trần Đức Thạnh**, 2015. Bàn về phân vùng đới bờ biển Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển. 15(1):1-12.
2. **Trần Đức Thạnh**, 2015. Phương pháp gia công mẫu làm giàu tảo silic trong trầm tích. Tạp chí các Khoa học về Trái đất. 37(2): 97-103.
3. Trịnh Thị Minh Trang, Nguyễn Thị Nguyệt Hà, **Trần Đức Thạnh**, 2015. Tài nguyên vị thế vùng bờ Khánh Hòa: tiềm năng và triển vọng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển. 15(1): 13-24.
4. Lê Xuân Sinh, Lê Văn Nam, Lưu Văn Diệu, Cao Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Phương Hoa, **Trần Đức Thạnh**, 2015. Assessment of Pollution Load into Thi Nai Lagoon, Viet Nam and Prediction to 2025. International Journal of Sciences. Vol.4 – June 2015 (06). p. 117-127.
5. Trang Cao Thị Thu, Diệu Lưu Văn, **Thạnh Trần Đức**, Sinh Lê Xuân, 2015. Assessment of Self-Purification Process of Thi Nai lagoon (Binh Dinh Province, Viet Nam). Environment and Natural Resources Research; Vol. 5, No. 3; 2015, p.19 – 27.
6. Cao Thị Thu Trang, Lưu Văn Diệu, Lê Xuân Sinh, **Trần Đức Thạnh**, 2015. Năng suất sơ cấp ở đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển; Tập 15, Số 2; Tr. 185-192.
7. Bùi Văn Vượng, Zhifei Liu, **Trần Đức Thạnh**, Chih-An Huh, Đặng Hoài Nhơn, Nguyễn Đắc Vệ, Đinh Văn Huy, 2016. Kết quả bước đầu nghiên cứu tốc độ lắng đọng, nguồn trầm tích đáy Vịnh Hạ Long: dấu hiệu từ khoáng vật sét, đồng vị <sup>210</sup>Pb VÀ <sup>137</sup>Cs. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển; Tập 16, Số 1; 2016: 54-63.
8. **Trần Đức Thạnh**, Phạm Huy Tiến, 2016. Những chứng cứ phi khoa học của Trung Quốc về chủ quyền đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa từ thời cổ đại: Tiếp cận từ cơ sở địa chất và địa mạo. Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế. Số 2 (105), 6-2016. Tr.70 – 97.

9. Lưu Văn Diệu, Cao Thị Thu Trang, Lê Xuân Sinh, Vũ Thị Lựu, **Trần Đức Thạnh**, 2016. Đánh giá sức tải môi trường của một số thủy vực ven bờ Việt Nam phục vụ phát triển bền vững. Tuyển tập kết quả nổi bật các đề tài KC09/11-15. Tập 2, trang 995-1054. ISBN 978-604-913-443-2
10. **Trần Đức Thạnh**, Lê Đức An, Trần Đình Lân, Trịnh Thị Minh Trang, Nguyễn Thị Minh Huyền, 2017. Tài nguyên vị thế đảo Côn Cỏ. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển; Tập 17, Số 1; 2017: 12-22.
11. Nguyễn Thanh Sơn, **Trần Đức Thạnh**, 2017. Di sản địa chất beach rock ở đảo Lý Sơn. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển; Tập 17, Số 4; tr. 498-500
12. Nguyễn Đắc Vệ, **Trần Đức Thạnh**, Trần Đình Lân, Bùi Văn Vượng, Nguyễn Thị Minh Huyền, 2018. Tài nguyên vị thế cụm đảo Thổ Chu, phía Nam Việt Nam. Tạp chí KHVN Biển. tập 18, số 2. Tr. 114-123.
13. Thanh Trung Nguyen, Paul J.Liu, Mai Duc Dong, Nhon Dang Hoai, Do Huy Cuong, Bui Viet Dung, Phung Van Phach, **Tran Duc Thanh**, Do Quoc Hung, Ngo Thanh Nga, 2018. Late Pleistocene-Holocene sequence stratigraphy of the subaqueous Red River delta and the adjacent shelf. Vietnam Journal of Earth Sciences, 40(3):271-287.
14. **Trần Đức Thạnh**, Nguyễn Đăng Ngải, Đặng Hoài Nhơn, 2019. Đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với các hệ sinh thái biển Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu. Hà Nội, 06/12/2017. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. Tr.31-45.
15. **Trần Đức Thạnh**, Đặng Hoài Nhơn, Nguyễn Văn Thảo, 2019. Vị thế của Vịnh Bắc Bộ đối với hợp tác phát triển giữa Trung Quốc với Việt Nam và các nước Đông Nam Á. Hội nghị Khoa học Địa lý Toàn quốc lần thứ XI năm 2019. Thừa Thiên Huế, tháng Tư năm 2019. Nxb. Thanh Niên. Tr.456-464.
16. **Trần Đức Thạnh**, Đặng Hoài Nhơn, Nguyễn Văn Thảo, Dương Thanh Nghị, Nguyễn Đăng Ngải, Bùi Văn Vượng, Đỗ Thị Thu Hương, 2019. Một số vấn đề xuyên biên giới trong quy hoạch không gian biển vịnh Bắc Bộ. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển, Tập 19, Số 3A; 2019: 343–357.
17. Phạm Thị Kha, **Trần Đức Thạnh**, Cao Thị Thu Trang, Dương Thanh Nghị, 2019. Chất lượng môi trường nước biển ven bờ đảo Bạch Long Vĩ năm 2018. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển, Tập 19, Số 3A; 2019: 103–110
18. Đặng Hoài Nhơn, **Trần Đức Thạnh**, Đỗ Công Thung, Cao Thị Thu Trang, 2019. Những đặc trưng môi trường ở đới gian triều Miền Bắc và định hướng sử dụng. Tuyển tập báo cáo khoa học: Diễn đàn khoa học toàn quốc 2019- Sinh học biển và phát triển bền vững. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Tr.622-635. ISBN: 978-604-913-874-4.
19. Đặng Hoài Nhơn, **Trần Đức Thạnh**, Lại Thị Bích Thủy, Bùi Văn Vượng, Nguyễn Đắc Vệ, 2019. Phân bố thành phần khoáng vật trong trầm tích tầng mặt Vịnh Hạ Long, Việt Nam. Kỷ yếu Hội nghị Địa chất biển toàn quốc lần thứ 3. NXB. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. ISBN: 978-604-913-905-5. Tr.80-91.
20. Bùi Văn Vượng, Trần Đình Lân, **Trần Đức Thạnh**, Đặng Hoài Nhơn, Nguyễn Đắc Vệ, Dương Thanh Nghị, Đinh Văn Huy, Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Mai Lựu, Hoàng Văn Long, Trần Xuân Trường, 2019. Ảnh hưởng của suy giảm trầm tích đến phân bố trầm tích lơ lửng và hình thái địa hình ven bờ châu thổ sông Hồng. Kỷ yếu Hội nghị Địa chất biển toàn quốc lần thứ 3. NXB. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. ISBN: 978-604-913-905-5.1. Tr. 31-43.

- Quốc tế:

1. Le Xuan Sinh, Le Van Nam, Luu Van Dieu, Cao Thi Thu Trang, Nguyen Thi Phuong Hoa, **Tran Duc Thanh**, 2015. Assessment of Pollution Load into Thi Nai Lagoon, Viet Nam and Prediction to 2025. International Journal of Sciences. Vol.4 – June 2015 (06). Pp. 117-127. Published at: <http://www.ijsciences.com/pub/issue/2015-06/> Article Number: V4201506741; Online ISSN: 2305-3925; Print ISSN: 2410-4477.
2. Trang Cao Thi Thu, Dieu Luu Van, **Thanh Tran Duc** & Sinh Le Xuan, 2015. Assessment of Self-Purification Process of Thi Nai lagoon (Binh Dinh Province, Viet Nam). Environment and Natural Resources Research; Vol. 5, No. 3; 2015 ISSN 1927-0488 E-ISSN 1927-0496. Published by Canadian Center of Science and Education. P.19 – 27.
3. Bui Vuong Van, Fan Daidu, Nguyen Dac Ve, Tran Dinh Lan, **Tran Duc Thanh**, Hoang Van Long and N.T.Hong Hanh, 2018. Morphological Change in the Northern Red River Delta, Vietnam. J. Ocean Univ. China(Oceanic and Coastal Sea Research). 2018 17 (6): 1272-1280. SCI-E; IF=0,82.
4. Duong Nguyen-Thuy, Phuong Hoa Ta, Huong Nguyen-Van, Huy Van, Bao Van Dang, Nhon Hoai Dang; Huong Thi Thu Do;, Anh Thi Kim Nguyen, **Thanh Duc Tran**, Vuong Van Bui, Anh Ngoc Nguyen, Thuy Thi Hoang, 2018. Evaluation of Geological Heritage of Geosites for a Potential Geopark in Binh Thuan–Ninh Thuan Coastal Zone, Vietnam. Geoheritage volume 11, p. 689–702(2019). SCI; IF= 2,2.
5. Dang Hoai Nhon, **Tran Duc Thanh**, Huy Dinh Van, Ha Nguyen Manh, Phan Son Hai, Lan Tran Dinh, Xiaoyong Duan, Nguyen Dac Ve, 2019. Sedimentation Rates and Heavy Metal Concentrations in the Tidal Flats of North Vietnam. Polish Journal of Environmental Studies 28(5):1-13. SCI; IF=1,18.

### **2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 05 cấp Nhà nước; 29 cấp Bộ và tương đương; 01 dự án Quốc tế..

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

1. Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước: “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển. Mã số KC.09/11-15. Thời gian: 2011-2015. Phó chủ nhiệm chương trình.
2. Đề tài: “Đánh giá sức tải môi trường của một số thủy vực tiêu biểu ven bờ biển Việt Nam phục vụ phát triển bền vững”. Mã số: KC.09.17 /11-15. Thời gian: 2013 – 2015. Thuộc Chương trình trọng điểm quốc gia KC.09 /11-15. Phó chủ nhiệm đề tài.
3. Đề tài “Nghiên cứu các giải pháp phục hồi các đầm phá ven biển miền Trung. KC 08.25/11-15. Mã số: KC 08.25/11-15. Thời gian: 2011-2015. Thuộc chương trình trọng điểm cấp Nhà nước KC.08/11-15. Phó chủ nhiệm đề tài.
4. Đề án: “Điều tra, đánh giá và giải pháp tổng thể bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn thành phố Hải Phòng”. Đề án cấp thành phố Hải Phòng. Thời gian 2017-2019. Chủ nhiệm đề án.

### **2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)**

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 01 sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: 0 tác phẩm nghệ thuật

- Tổng số có: 0 thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

1. Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Quyết định số 68559/QĐ-SHTT ngày 01/10/2018 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ cho “Quy trình xác định sức tải của thủy vực ven biển”. Tác giả: Lưu Văn Diệu, **Trần Đức Thạnh**, Cao Thị Thu Trang, Lê Xuân Sinh.

## **2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

a) Tổng số: 02..... NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

1. NCS. Nguyễn Ngọc Anh. Đề tài luận án: “Đặc điểm và tiến hóa thạch động lực các thành tạo trầm tích vùng biển ven bờ Hải Phòng – Quảng Ninh”; Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội; Năm bảo vệ thành công: 2015. Vai trò hướng dẫn: Phụ.
2. NCS. Dương Thanh Nghị. Đề tài luận án: “Nghiên cứu sự tích tụ một số nhóm chất OCP và PCB trong môi trường biển ven bờ từ Trà Cổ đến Cửa Lò”; Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Hà Nội; Năm bảo vệ thành công: 2015; Vai trò hướng dẫn: chính.
3. NCS. Đặng Hoài Nhon. Đề tài luận án: “Tiến hóa môi trường trầm tích đới gian triều khu vực ven bờ Bắc Bộ”; Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội; Năm bảo vệ thành công: 2016. Vai trò hướng dẫn: Chính.
4. NCS. Cao Thị Thu Trang. Đề tài luận án: “Nghiên cứu đánh giá sức tải một số yếu tố môi trường (C, N, P) khu vực đầm phá Tam Giang - Cầu Hai (tỉnh Thừa Thiên Huế)”; Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội; Năm bảo vệ thành công: 2019. Vai trò hướng dẫn: phụ.

## **3. Các thông tin khác**

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình** (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...)*:

### **3.1.1. Bài báo khoa học**

1. Trần Đức Thạnh, Đặng Đức Nga, Đặng Trần Quân, Nguyễn Tiến Chủ, 1982. Các phức hệ sinh thái – tuổi Diatomeae trong trầm tích Holocen ở đồng bằng Thanh Hoá - Vinh. Bản đồ Địa chất, 53: 5-13. Liên Đoàn BĐĐC, Hà Nội.
2. Trần Đức Thạnh và Nguyễn Đức Cự, 1984. Vai trò Địa chất - Địa mạo đối với việc hình thành và phát triển rừng ngập mặn ở dải ven biển miền Bắc Việt Nam. Tuyển tập "Hội thảo khoa học về hệ sinh thái rừng ngập mặn Việt Nam" tr. 33 - 47.
3. Đặng Đức Nga, Trần Đức Thạnh, 1985. Các phức hệ sinh thái – tuổi tảo Silic (Diatomeae) trong trầm tích Đệ tứ đồng bằng sông Cửu Long. Hội nghị KHKT Địa chất Việt Nam lần 2. Tuyển tập, Tập 2. Hà Nội. Tr. 272-276.
4. Trần Đức Thạnh, 1988. Dẫn liệu về đợt hạ thấp mực nước biển vào cuối Holocen giữa-đầu Holocen muộn ở vùng ven bờ Đông Bắc. TC Khoa học Trái đất, 10/3-4: 50-53, Hà Nội.

5. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cừ, Đinh Văn Huy, 1991. Hình thái, cấu trúc và tiến hoá của các bãi triều lầy ven bờ phía bắc Việt Nam. Trong: Tuyển tập Hội nghị khoa học biển toàn quốc lần III. Tập II, Hà Nội, 1991. Tr. 273-281.
6. Trần Đức Thạnh, 1991. Đặc điểm cơ bản của các bồn tích tụ hiện đại tiêu biểu ở dải ven bờ tây Vịnh Bắc Bộ. Tuyển tập Tài nguyên và Môi trường biển. Tập I. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội. Tr.39-47. Citation: 12 (R).
7. Trần Đức Thạnh, 1991. Động lực bồi tụ xói lở bờ và sự thay đổi hình dạng đảo san hô Trường Sa. Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị khoa học biển toàn quốc lần thứ III. Tập II, Hà Nội. Tr. 266 - 272.
8. Thanh,T.D. et all, 1992. Current status and cause of erosion in Cat Hai Island of Haiphong. Proc. Regional Seminar on Environment Geology. Hanoi. p.214 - 219.
9. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Chu Hồi và Nguyễn Đức Cự, 1993. Cơ sở khoa học sử dụng hợp lí các bãi triều lầy ven biển phía Bắc Việt nam. Tuyển tập hội thảo Quốc gia : Nghiên cứu và quản lý vùng ven biển Việt Nam. Hà Nội. Tr. 195-200.
10. **Thanh TD**, 1995.Coastal morphological changes concerning the management of coastal zone in Vietnam. Proc. Int. Conf. “Coastal Change 95’ Bordomer-IOC, Bordeaux, 1995. pp.451-462. Citations: 11.
11. Trần Đức Thạnh, 1995. Ranh giới dưới và địa tầng trầm tích Holoxen ở thềm lục địa vịnh Bắc Bộ . Tạp chí Các khoa học Trái đất số 1(22-29).
12. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Chu Hồi, 1995. Những nét cơ bản về điều kiện tự nhiên và động lực phát triển vùng cửa sông Ka Long liên quan đến vấn đề hoạch định biên giới và lãnh thổ. Số 1 -1995, tr. 3-9.
13. Tran Duc Thanh, Tran Dinh Lan and Dinh Van Huy, 1997. Natural and human impact on the coastal development of Red River Delta. LOIZ Meeting Reports No. 29. Netherlands. p.224-229. Citations: 14.
14. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Chu Hồi, Nguyễn Cẩm, Nguyễn Thanh Sơn, Trịnh Phùng, Nguyễn Văn Tạc, 1997. Đặc điểm địa mạo biển Việt Nam. Tài nguyên và môi trường biển. T.IV, Nxb. KH&KT, Hà Nội, Tr. 7-28. Citations: 15 (R).
15. Thanh T.D., D.V. Huy, T.D. Lan, N.C. Hoi, N.H.Cu, D.D. Chien and C.V. Thuoc, 1999. Application of ADEOS AVNIR data to the study of tidal wetland distribution in the Da Nang – Hoi An Area. Asian-Pacific remote sensing and GIS Journal. Vol.12, No.1, p. 23-30.
16. TD Thanh Waltham Tony, 2001. The outstanding value of the geology of Ha Long Bay. Advances in Natural Sciences, Vol.2, No.3. p.89-99. Citation: 9.
17. Thanh TD, Huy, D.V., Nguyen, V.L., Ta, T.K.O., Tateishi, M., Saito, Y. 2002. The impacts of human activities on Vietnamese rivers and coasts. LOICZ Report & Studies no. 26, 179-184. Citation: 14.
18. Tri Tran Van, **TD. Thanh**, LD. An, Waltham Tony, LH Anh, 2003. The Ha Long Bay world heritage: outstanding geological values. Journal of Geology. Series B. 2003: No. 22, pp.1 – 18. Citation: 15.
19. **Thanh T.D.** Y Saito, DV Huy, NV Lap, TTK Oanh M. Tateishi. 2004.Regimes of human and climate impacts on coastal changes in Vietnam. Regional Environmental Change, 2004: 4 (1), 49-62.; ISSN:1436-3798. DOI: 10.1007/s10113-003-0062-7; Citation: 80; IF = 3,79.
20. TĐ Thạnh, N Cẩm, Đ Đ Nga, ĐV Huy, 2004. Đặc điểm phát triển bờ và dao động mực nước biển Holocen ở khu vực Hải Phòng. Khoa học & Công nghệ biển.Tập 4, số 4. Trang. 25 – 42.

21. **Thanh TD**; Saito, Y., Dinh, V.H., Nguyen, H.C., Do, D.C. 2005. Coastal erosion in Red River Delta: current status and response. In book: Mega-Deltas of Asia: Geological evolution and human impact, China Ocean Press, Beijing, 2005: pp. 98-106. Chapter. ISBN 7-5027-6342-2. Citation: 15.
22. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cử, Bùi Văn Vượng, Nguyễn Thu Kim Anh, 2006. Phân loại và đặc điểm cơ bản của hệ thống vũng vịnh ven bờ biển Việt Nam. Khoa học và Công nghệ biển. T6 (2006). Số 2.Tr. 38 – 51.
23. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cử, Đinh Văn Huy, Bùi Văn Vượng. 2007. Các thủy vực ven bờ biển Việt Nam. Khoa học và Công nghệ biển. T7. No.1 Hà Nội. Tr.64 – 79. Citation: 9.
24. Trần Đức Thạnh, 2007. Những vấn đề môi trường ven biển nổi bật ở Việt Nam và định hướng bảo vệ. Trong: PN Hồng (Chủ biên): “Vai trò của HST RNM và rạn san hô trong việc giảm nhẹ thiên tai và cải thiện cuộc sống ở vùng ven biển”. Nxb. Nông nghiệp. Hà Nội Tr. 119 – 134.
25. Trần Đức Thạnh, Vũ Duy Vĩnh, Yoshiki Saito, Đỗ Đình Chiến, Trần Anh Tú, 2008. Bước đầu đánh giá ảnh hưởng của đập Hoà Bình đến môi trường trầm tích ven bờ châu thổ sông Hồng. Khoa học công nghệ biển. T.8, No.3. Tr. 01-17.
26. Trần Đức Thạnh. Trần Đình Lâm, Nguyễn Hữu Cử, 2008. Tài nguyên vị thế biển Việt Nam, định dạng, tiềm năng và định hướng phát huy giá trị. Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: “Việt Nam: Hội nhập và Phát triển”. Hà Nội, 4 – 7/12 /2008. Citation: 12
27. Trần Đức Thạnh, 2008. Tác động của sóng, bão đối với các công trình bờ biển Bắc Bộ và giải pháp phòng tránh. Các Khoa học về Trái đất. 4 (T.30). Số đặc biệt kỷ niệm 30 năm (1979 – 2009). Tr. 555 – 565.
28. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cử, Đinh Văn Huy, 2008. Một số kỳ quan địa chất tiêu biểu ở vùng biển và ven bờ Việt Nam. Địa chất biển Việt Nam và phát triển bền vững. Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị Khoa học Địa chất biển toàn quốc lần 1. Hạ Long 9 – 10/10/2008: tr. 414 – 421.
29. Trần Đức Thạnh, 2009. Những vấn đề ưu tiên đối với quản lý tổng hợp dải ven bờ Tây Vịnh Bắc Bộ. Khoa học & Công nghệ biển. 4(T.9): 127 – 146.
30. Trần Đức Thạnh, 2009. Tiềm năng sử dụng các khu neo trú tránh bão, gió mạnh cho tàu thuyền trên vùng biển và ven bờ Việt Nam. Tạp chí Các khoa học về Trái đất. Số 2 (T.31). Tr. 158 – 167.
31. Bùi Văn Vượng, Trần Đức Thạnh, Đặng Hoài Nhơn, 2009. Một số kết quả nghiên cứu địa hình và trầm tích quần đảo Trường Sa. Khoa học và Công nghệ biển. T.9. Phụ trương 1. Tr.77 - 92.
32. Quan N.V., **Thanh TD**, Huy DV., 2010. Landscapes and Ecosystems of Tropical Limestone: Case Study of the Cat Ba Islands, Vietnam. Journal of Ecology and field biology, 2010: 33 (1); pp. 23-36. Scopus. Citation: 13.
33. Trần Đức Thạnh, 2010. Một số vấn đề cơ bản về quản lý tổng hợp vùng bờ biển ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển. T.10. No.1. Tr. 81 – 96.
34. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cử, 2011. Định hướng quản lý tổng hợp vùng bờ biển ở Việt Nam. Tuyển tập báo cáo Hội nghị KH&CN Biển Toàn quốc lần thứ V. Quyển 5: Sinh thái, Môi trường và quản lý biển. Nxb. KHTN&CN. Hà Nội. Tr.314-327.
35. Trần Đức Thạnh, 2012. Kỳ quan địa chất Vịnh Hạ Long. Tạp chí Các Khoa học về trái đất. số 34 (2). Tr.162 – 172.

36. Trần Đức Thạnh, Lê Đức An, 2013. Tài nguyên địa – kinh tế và địa – chính trị đảo Bạch Long Vĩ. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển; Tập 13, Số 3; 2013: 207-215 ISSN: 1859-3097.
37. Lê Đức An, **Trần Đức Thạnh**, Nguyễn Hữu Cử, 2013. Kỳ quan địa mạo – địa chất biển đảo Việt Nam. Tạp chí Địa chất, loạt A, số 336-337, 7-10/2013, tr.139-149.
38. Phuong T.H, N.H.Cu, **T.D. Thanh**, B.V. Dong, 2013. Geoheritage values in the Cat Ba islands, Vietnam. Environmental Earth Sciences, 2013. ISSN 1866-6280. DOI 10.1007/s12665-013-2619-1. Spe. Iss. Vol.70, No.2. p 543 - 548. SCI-E; Citation: 7. IF = 1,77.
39. Vinh V.D., S. Ouillon, **T.D. Thanh**, L.V. Chu, 2014. Impact of the Hoa Binh Dam (Vietnam) on water and sediment budgets in the Red River basin and delta. Hydrology and Earth System Sciences: 18 (10), pp. 3987– 4005. ISSN: 1607-7938. DOI:10.5194/hess-18-3987-2014. SCI-E; Citation: 47; IF = 4,25.
40. Trần Đức Thạnh, 2015. Bàn về phân vùng đới bờ biển Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển. 15(1):1-12.
41. Trần Đức Thạnh, Phạm Huy Tiến, 2016. Những chứng cứ phi khoa học của Trung Quốc về chủ quyền đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa từ thời cổ đại: Tiếp cận từ cơ sở địa chất và địa mạo. Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế. Số 2 (105), 6-2016. Tr.70 – 97.
42. Bui Vuong Van, Fan Daidu, Nguyen Dac Ve, Tran Dinh Lan, **Tran Duc Thanh**, Hoang Van Long and N.T.Hong Hanh, 2018. Morphological Change in the Northern Red River Delta, Vietnam. J. Ocean Univ. China (Oceanic and Coastal Sea Research). 2018 17 (6): 1272-1280. SCI-E. IF=0,82.
43. Duong Nguyen-Thuy, Phuong Hoa Ta, Huong Nguyen-Van, Huy Van, Bao Van Dang, Nhon Hoai Dang; Huong Thi Thu Do53, Anh Thi Kim Nguyen, **Thanh Duc Tran**, Vuong Van Bui, Anh Ngoc Nguyen, Thuy Thi Hoang, 2018. Evaluation of Geological Heritage of Geosites for a Potential Geopark in Binh Thuan–Ninh Thuan Coastal Zone, Vietnam. Geoheritage volume 11, p. 689–702(2019). SCI. IF=2,2.
44. Dang Hoai Nhon, **Tran Duc Thanh**, Huy Dinh Van, Ha Nguyen Manh, Phan Son Hai, Lan Tran Dinh, Xiaoyong Duan, Nguyen Dac Ve, 2019. Sedimentation Rates and Heavy Metal Concentrations in the Tidal Flats of North Vietnam. Polish Journal of Environmental Studies 28(5):1-13. SCI. IF=1,18.

### 3.1.2.Sách chuyên khảo

1. Trần Đức Thạnh, 1998. Lịch sử địa chất Vịnh Hạ Long. Nhà xuất bản Thế giới. Hà Nội, 1998. 94 tr. Citation: 16.
2. Harris P.G.(ed.), Jonathan Harrington ...(plus 12)..., Peter Stoett and **Tran Duc Thanh**, 2004. Confronting environmental change in East & South Asia. Eco-politics, foreign policy, and sustainable development. United Nations University Press and Earthscan Publications Ltd. London-Stirling, VA. 269p. ISBN 1-85383-972-8. Citation: 22.
3. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cử, Đỗ Công Thung, Đặng Ngọc Thanh, 2008.. Vũng vịnh ven bờ biển Việt Nam và tiềm năng sử dụng. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội, 295 tr.. Citation: 5.
4. Trần Đức Thạnh, Trần Đình Lân, Nguyễn Hữu Cử và Đinh Văn Huy, 2010. Tiến hoá và động lực hệ đầm phá Tam Giang-Cầu Hai. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội, 225 tr.. DOI: 10.13140/RG.2.1.2538.2647; Citaion: 6.



5. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cừ, Đỗ Công Thung, Trần Đình Lân, Đinh Văn Huy, Phạm Hoàng Hải, 2011. Định hướng quản lý tổng hợp vùng bờ biển Bắc Bộ. Nxb. Khoa học Tự nhiên & Công nghệ. Hà Nội, 250 tr.. Citation: 6.
6. Trần Đức Thạnh, Lê Đức An, Nguyễn Hữu Cừ, Trần Đình Lân, Tạ Hoà Phương, Nguyễn Văn Quân, 2012. Biển đảo Việt Nam - Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội, 324 tr.. ISBN: 978-604-913-063-2. Citation: 8 (R).
7. Trần Đức Thạnh, Trần Văn Minh, Cao Thị Thu Trang, Vũ Duy Vĩnh, Trần Anh Tú, 2012. Sức tải môi trường vịnh Hạ Long – Bái Tử Long. Nxb. Khoa học Tự nhiên & Công nghệ. Hà Nội. 297 trang. ISBN: 978-604-913-063-2.
8. Trần Đức Thạnh, Trần Đình Lân, Nguyễn Thị Minh Huyền, Đinh Văn Huy, Nguyễn Văn Quân, Cao Thị Thu Trang, Trần Anh Tú, 2013. Thiên nhiên và môi trường vùng biển đảo Bạch Long Vĩ. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội. 275 trang. ISBN:978-604-913-110-3
9. Trần Đức Thạnh (chủ biên), Bùi Quang Sán, Nguyễn Văn Cán, Trần Đình Lân, Nguyễn Văn Quân, Lưu Văn Diệu, Nguyễn Thị Thu, Trần Anh Tú, Nguyễn Thị Kim Anh, 2015. Thiên nhiên và môi trường vùng bờ Hải Phòng. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội. 310 tr. ISB: 978-604-913-369-1.
10. Dương Thanh Nghị, Đỗ Quang Huy, **Trần Đức Thạnh**, 2018. Một số chất ô nhiễm hữu cơ bền trong môi trường biển ven bờ phía Bắc Việt Nam. Nxb. Khoa học và Công nghệ, Hà Nội. 260 tr. ISBN: 978- 604-913-647-4.

### 3.1.3. Giải pháp hữu ích

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Quyết định số 68559/QĐ-SHTT ngày 01/10/2018 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ cho “Quy trình xác định sức tải của thủy vực ven biển”. Tác giả: Lưu Văn Diệu, Trần Đức Thạnh, Cao Thị Thu Trang, Lê Xuân Sinh.

### 3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

1. Giải thưởng Môi trường Việt Nam. Quyết định số 832/QĐ-BTNMT, ngày 31/5/2013, của Bộ trưởng Bộ TNMT
2. Kỷ niệm chương vì sự nghiệp UNESCO Việt Nam. Quyết định số 10/QĐ-UBQG UNESCO VN ngày 07/ 01/2013 của Chủ tịch UNESCO Việt Nam.
3. Giải thưởng khoa học Nguyễn Bình Khiêm lần thứ hai, Giải B, năm 1996 : chủ nhiệm công trình: “Khảo sát môi trường địa chất ven biển Hải Phòng”. Quyết định số 2041, ngày 16/8/1996 của UBND Tp.Hải Phòng.
4. Giải thưởng Cố đô Huế về KH&CN lần thứ nhất năm 2006. Giải A cho cụm công trình: “Điều tra, nghiên cứu hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”. Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 26/12/2006 của UBND Thừa Thiên Huế.
5. Giải thưởng KH&CN thành phố Hải Phòng lần II, năm 2009, Giải nhì, Công trình: “Xây dựng khu Dự trữ Sinh quyển Quần đảo Cát Bà”. Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 25/2/2010 của UBND Tp. Hải Phòng.
6. Giải thưởng Cố Đô Huế của tỉnh Thừa Thiên Huế, lần II. Giải B công trình: “Địa chí Thừa Thiên Huế-Phần Tự nhiên”. Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 25/8/2011. Tỉnh Thừa Thiên – Huế.
7. Giải thưởng Cố đô, Thừa Thiên Huế, lần 3. Công trình: “Nghiên cứu sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển Thừa Thiên - Huế”. Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 06/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế.

**3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):**

Hồ sơ Google scholar: , H-index = 12; i10 –index = 16; tổng lượt trích dẫn: 826

**3.4. Ngoại ngữ**

8. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Anh và Nga
9. Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Tốt.

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

Hải phòng, ngày 21 tháng 4 năm 2020

**NGƯỜI KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trần Đức Thạnh**